

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 4 và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Sản xuất nông nghiệp trong tháng có một số thuận lợi như: Độ mặn bắt đầu giảm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nước ngọt vào nội đồng rửa phèn, mặn, cùng với những cơn mưa đầu mùa làm giảm nắng nóng, khô hạn cho cây trồng; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; giá một số loại nông sản ở mức cao như lúa, heo hơi, dừa khô, cua biển, tôm các loại. Tuy nhiên, hạn hán, xâm nhập mặn tiếp tục gây thiệt hại cho cây lúa vụ Đông Xuân; môi trường ao nuôi thủy sản đầu vụ chưa ổn định, nắng nóng gây gát kéo dài, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn làm giảm sức đề kháng của tôm, tạo điều kiện cho các loại bệnh như đốm trắng, đốt thân, hoại tử gan tụy phát sinh; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 gây ra tình trạng ùn tắc, tồn đọng và làm rót giá một số mặt hàng nông sản như cá lóc, xoài các loại; giá cá tra ở mức thấp trong thời gian dài, nông dân hạn chế thả nuôi, cụ thể tình hình sản xuất như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình UBND tỉnh thông qua ban cán sự Đảng trình Tỉnh ủy 01 Kế hoạch⁽¹⁾; trình UBND tỉnh ban hành đơn giá cây trồng để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện 09 công trình trên địa bàn tỉnh⁽²⁾.

Đang thực hiện các quy trình xây dựng 06 nghị quyết HĐND tỉnh⁽³⁾, 01 quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và 01 quyết định thông thường của UBND tỉnh.

⁽¹⁾ Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

⁽²⁾ Trạm biến áp và đường dây 110kV Duyên Trà - Nhà máy điện gió số 01 Trà Vinh tại huyện Duyên Hải và TX Duyên Hải; công trình nạo vét hệ thống kênh trực và xây dựng công trình điều tiết nước trên kênh tại 02 huyện Trà Cú-Cầu Kè; công trình cải tạo, nâng cấp đường Hương lộ 20- Hương lộ 12 huyện Cầu Ngang; công trình nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang; công trình sân vận động huyện Càng Long; công trình dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3; Trạm biến áp và tuyến đường dây 110kV đấu nối từ Nhà máy điện gió V1-2 vào trạm biến áp Nhà máy điện gió số 01; Trạm biến áp và đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh (đoạn qua huyện Cầu Ngang); công trình cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây

⁽³⁾ Phương án chuyển đổi rừng phòng hộ ít sung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh Quy hoạch ba loại rừng tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông

Xây dựng và ban hành 03 Quyết định⁽⁴⁾; 04 Kế hoạch⁽⁵⁾ 07 báo cáo chuyên đề⁽⁶⁾.

Chỉ đạo đơn vị chuyên môn kết hợp địa phương hướng dẫn nông dân rửa mặn, xổ phèn, vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị xuống giống lúa vụ Hè Thu theo khung lịch thời vụ tại Công văn số 1275/UBND-NN ngày 07/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; triển khai thực hiện Đề án xây “Dựng hệ thống giám sát công trùng thông minh phục vụ công tác bảo vệ thực vật” được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Công văn số 1120/UBND ngày 30/3/2020. Kết hợp địa phương hướng dẫn tái đàn vật nuôi, khuyến khích phát triển chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh; khuyến cáo nông dân thả nuôi thủy sản rải vụ để hạn chế thiệt hại do nắng nóng.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng trong tháng 5.897 ha, nâng tổng số được 88.953 ha, đạt 31,94% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 10.195 ha, cụ thể:

- Cây lúa:

+ Vụ Đông Xuân: Thu hoạch 27.947 ha, lũy kế đến nay thu hoạch 38.960 ha, đạt 64,44% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,24 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 1,04 tấn/ha. Do lúa đang trong giai đoạn trổ - chín nên sâu bệnh gây hại ở mức độ nhẹ, chủ yếu là bệnh lem lép hạt và đạo ôn lá 230 ha ở các xã Ninh Thới, Phong Phú, Phong Thạnh huyện Cầu Kè.

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 1.740 ha (Cầu Kè 528 ha, Càng Long 1.212 ha), chậm hơn cùng kỳ 3.350 ha.

nghiệp tinh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; Chính sách cải tạo vườn tạp và chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quy chế về hoạt động, quản lý thu, nộp, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

(4) Quyết định số 187/QĐ-SNN, ngày 20/4/2020 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành trong "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2020; Quyết định số 163/QĐ-SNN, ngày 01/4/2020 về việc kiện toàn Ban biên tập Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT; Quyết định 181/QĐ-SNN, ngày 17/4/2020 về việc thành lập Ban biên tập tờ tin Thông tin nông nghiệp nông thôn Trà Vinh.

(5) Kế hoạch ngành nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2020; Kế hoạch thực hiện cấp phát bồn nhựa chứa nước tại các xã ánh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn năm 2020; Kế hoạch Điều chỉnh lịch xuống giống lúa vụ Hè Thu, vụ Thu Đông - Mùa năm 2020 và vụ Đông Xuân năm 2020-2021.

(6) Đánh giá tình hình 5 năm thực hiện Quyết định 48/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về ban hành quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện việc sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các dự án gia cố hệ thống đê điều xung yếu giai đoạn 2016-2020; kết quả triển khai thực hiện Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT Quy định tiêu chí kinh tế trang trại; xử lý sạt lở ven sông Hậu thuộc các xã Định An, Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh, An Quảng Hữu huyện Trà Cú; Đề xuất tháo gỡ vướng mắc trong triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo QĐ 22/2019/QĐ-TTg; Kết quả 02 năm thực hiện QĐ 78/2018/QĐ-TTg ngày 16/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia nhằm ngăn chặn giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định đến năm 2025; Sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Quyết định 683/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.157 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 24.494 ha, đạt 44,49% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 746 ha), gồm: Màu lương thực 3.104 ha, màu thực phẩm 13.538 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 7.852 ha.

Rà soát, tổng hợp tình hình thiệt hại trên lĩnh vực trồng trọt do hạn hán và xâm nhập mặn làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; theo dõi hệ thống bẫy đèn, các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh để thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh gây hại đặc biệt là trong điều kiện khô hạn, mặn; tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn nông dân các biện pháp và kỹ thuật canh tác trong điều kiện khô hạn, mặn, hướng dẫn tưới tiết kiệm nước cho cây trồng; đồng thời hướng dẫn nông dân làm đất, vệ sinh đồng ruộng, rửa phèn, mặn để chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu theo lịch thời vụ; kết hợp địa phương vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả, cải tạo giồng tạp, vườn tạp sử dụng cây con giống có chất lượng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và có thị trường tiêu thụ.

***Tình hình thiệt hại do hạn, mặn:**

- Cây lúa: Trong tháng, phát sinh thêm 10.082,21 ha lúa của 12.030 lượt hộ tiếp tục bị ảnh hưởng do khô hạn, xâm nhập mặn. Lũy kế đến nay có 20.642,83 ha lúa của 23.968 lượt hộ bị thiệt hại trên địa bàn 07 huyện, mức độ thiệt hại dưới 30% là 838,57 ha của 1.056 hộ, từ 30-70% là 6.991,93 ha của 8.396 hộ, trên 70% là 12.812,33 ha của 14.516 hộ.

- Cây màu: Trong tháng, phát sinh thêm 23,72 ha rau các loại của 90 hộ trên địa bàn xã Thanh Mỹ và Lương Hòa A, huyện Châu Thành bị thiệt hại do hạn, mặn. Nâng tổng số đến nay có 27,72 ha rau màu của 104 hộ bị thiệt hại tại một số xã của huyện Tiểu Cần và Châu Thành, trong đó, mức độ thiệt hại dưới 30% là 0,6 ha, từ 30-70% là 19,6 ha, trên 70% là 7,52 ha.

b) Chăn nuôi, thủy y

Bệnh Cúm gia cầm, Dịch tả heo Châu Phi (DTHCP) và bệnh Lở mồm long móng (LMLM) trên đàn gia súc tiếp tục được kiểm soát; ngành đã phối hợp với các địa phương, khuyến khích các hộ chăn nuôi, trang trại tái đàn heo theo hướng dẫn, đảm bảo an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh, kết quả đến nay có 1.637 hộ chăn nuôi đã tái đàn (trong đó 44 hộ có đăng ký, 1.593 hộ không đăng ký), số lượng 32.642 con heo của 4 huyện, thị xã, thành phố (Cầu Ngang, Duyên Hải, Thị xã Duyên Hải và Thành phố Trà Vinh); đàn bò tiếp tục phát triển do giá bò hơi ổn định và nguồn thức ăn dồi dào; đàn gia cầm phát triển khá có thị trường tiêu thụ ổn định, nhiều hộ chăn nuôi đã mạnh dạn đầu tư tái đàn, ước đàn vật nuôi cụ thể như sau: Đàn bò 211.725 con, đàn heo 172.660 con, gia cầm 6.725 triệu con (trong đó, gà 5,143 triệu con) (*theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh*).

Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng Cúm được 694.942 con gia cầm; LMLM 11.136 con gia súc; Đại chó, mèo 951 con; các bệnh thường trên đàn gia súc 90.090 liều và các loại bệnh thường trên đàn gia cầm

308.941 liều. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng Cúm 1,47 triệu con gia cầm (tăng 480.842 con so cùng kỳ); LMLM 31.917 con gia súc (tăng 5.037 con); Đại chó, mèo 1.819 con (giảm 1.305 con); các bệnh thông thường trên đàn gia súc 148.930 liều (giảm 201.550 liều) và các loại bệnh thông thường trên đàn gia cầm 1,118 triệu liều (giảm 1,07 triệu liều).

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 9.033 con; trâu, bò 2.019 con; gia cầm 225.730 con; sản phẩm động vật 122 tấn. Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 13.365 con heo (giảm 89.551 con so cùng kỳ); trâu, bò 7.967 con (tăng 134 con); gia cầm 1,015 triệu con (giảm 64.149 con); sản phẩm động vật 327,6 tấn (tăng 54 tấn).

c) Lâm nghiệp: Phối hợp đơn vị tư vấn khảo sát tình hình sạt lở rừng ven sông Tiên làm cơ sở đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp khắc phục; xây dựng Phương án triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020; phối hợp bàn giao mặt bằng thi công Thi công xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông Hậu trên địa bàn các xã Kim Sơn, Lưu nghiệp Anh, An Quang Hữu (huyện Trà Cú); tổ chức trực phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) đảm bảo kịp thời khi có tình huống xảy ra; vận động 55 hộ dân ở xã Trường Long Hoà (thị xã Duyên Hải) và xã Đông Hải (huyện Duyên Hải) ký cam kết sử dụng lửa an toàn; tổ chức 80 lượt tuần tra bảo vệ rừng không phát hiện vi phạm; xác nhận 01 bảng kê xuất bán động vật hoang dã; sản lượng gỗ khai thác trong tháng 3.526 m³ (một số loại như bạch đàn, dầu, sao, mù u, tràm bông vàng...), tận thu củi từ cải tạo vườn tạp 26.996 ste. Nâng đến nay đã tổ chức 313 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 09 trường hợp khai thác gỗ và phá rừng trái pháp luật, làm thiệt hại 3.199 m² rừng; xác nhận 03 bảng kê xuất bán động vật hoang dã; khai thác gỗ 18.202 m³ (một số loại như bạch đàn, dầu, sao, mù u, tràm bông vàng...), tận thu củi từ cải tạo vườn tạp 119.771 ste.

d) Thủy sản: Trong tháng, thu hoạch 15.622 tấn (sản lượng nuôi 10.098 tấn, sản lượng khai thác 5.524 tấn). Nâng tổng số đến nay đã thu hoạch 52.409 tấn (sản lượng nuôi 30.027 tấn, sản lượng khai thác 22.382 tấn), đạt 22,52% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.285 tấn, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 2.599 ha, thu hoạch 10.098 tấn (3.546 tấn cá lóc, 904 tấn tôm sú, 3.967 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 29.969 ha, thu hoạch 30.027 tấn (13.024 tấn cá lóc, 2.041 tấn tôm sú, 8.706 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 20,43% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 282 tấn, trong đó:

- + Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 170 triệu con tôm sú giống, diện tích 1.345 ha; 567 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 902,5ha; 4,27 triệu con cua biển, diện tích 51 ha; thu hoạch 5.433 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 925,6 triệu con tôm sú giống, diện tích 13.905 ha; 1,74 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 2.948 ha; 171,6 triệu con cua biển, diện tích 12.476 ha; thu hoạch 12.179 tấn (cao hơn cùng kỳ 1.346 tấn). Tuy nhiên, do nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động, tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh phát triển gây thiệt hại 79 triệu con tôm sú (chiếm 9,0% lượng con giống thả nuôi),

diện tích 338 ha và 500 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 29% lượng con giống thả nuôi), diện tích 465 ha, tôm chết chủ yếu là bệnh đốm trắng, đốt thân, vi bào tử trùng, phần lớn tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 40 ngày tuổi ở một số xã của huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 10,4 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 142 ha; thu hoạch 4.665 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 46 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 437 ha (cá lóc 30,3 triệu con, diện tích 54 ha); thu hoạch 17.849 tấn (thấp hơn cùng kỳ 1.063 tấn). Tuy nhiên, do tình hình nắng nóng, xâm nhập mặn đến nay làm thiệt hại 11 triệu con tôm càng xanh, diện tích 244,7 ha, giai đoạn 5-7 tháng tuổi ở xã Long Hoà (huyện Châu Thành) và 300 ngàn con cá lóc ở xã Lưu Nghiệp Anh (huyện Trà Cú), diện tích 0,7 ha, ước sản lượng thiệt hại 70 tấn, Sở đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn hướng dẫn người nuôi một số biện pháp phòng, chống và khắc phục để hạn chế thiệt hại.

- Thủy sản khai thác: Toàn tỉnh có 1.188 tàu cá được đăng ký (đăng ký mới 01 tàu), tổng công suất 145.672 CV, tăng 834 CV (*265 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên*), sản lượng khai thác 5.524 tấn (840 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay sản lượng 22.382 tấn (2.435 tấn tôm), đạt 26,12% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.567 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 2.034 tấn (482 tấn tôm) giảm 26,87% (hay giảm 747 tấn); khai thác hải sản 20.348 tấn (1.953 tấn tôm) giảm 3,87% (hay giảm 820 tấn so cùng kỳ). Do hạn hán, xâm nhập mặn, lượng nước trong nội đồng thấp và thường xuyên đóng các cống chính nên ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và phát triển của các loài thủy sản nội đồng mặt khác, thời tiết không thuận lợi cho khai thác hải sản xa bờ nên sản lượng thủy sản khai thác giảm hơn cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 600 tấn (tôm sú 73 tấn, tôm thẻ 537 tấn), chế biến 728 tấn, tiêu thụ 394 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 3,7 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 1.596 tấn (tôm sú 125 tấn, tôm thẻ 1.481 tấn), chế biến 1.975 tấn, tiêu thụ 1.066 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 10,27 triệu USD.

- Kiểm dịch 86,2 triệu con giống (1,1 triệu con giống tôm sú, 85,1 triệu con giống tôm thẻ chân trắng). Nâng đến nay đã kiểm dịch 370,6 triệu con giống (28 triệu con tôm sú, 342,6 triệu con tôm thẻ chân trắng).

- Tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá 01/4, vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ mua 835 ngàn con tôm sú giống và 30 ngàn con cua biển giống thả ra sông Cổ Chiên (khu vực cù lao xã Hòa Minh, huyện Châu Thành) nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản.

- Phòng, chống dịch bệnh thủy sản:

+ Thu 63 mẫu tôm vùng nuôi phân tích bệnh phẩm, kết quả: 01 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng; 01 mẫu nhiễm virus gây bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô; 01 mẫu nhiễm virus hoại tử gan tụy cấp. Nâng đến nay đã thu 09 mẫu giáp xác tự nhiên, 88 mẫu tôm vùng nuôi, 02 mẫu cá phân tích bệnh phẩm. Kết quả 9 mẫu tôm nhiễm virus gây bệnh đốm trắng, 03 mẫu tôm nhiễm virus hoại tử gan tụy cấp, 05 mẫu tôm nhiễm virus gây bệnh hoại tử

cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô, 07 mẫu tôm nhiễm vi bào tử trùng, 05 mẫu chưa có kết quả; 01 mẫu cá nhiễm vi khuẩn *Aeromonas hydrophilas*. Ngành đã thông báo kết quả đến địa phương và hướng dẫn người nuôi xử lý nước trước khi xả thải ra môi trường tự nhiên, đồng thời thông báo để nông dân biết và quản lý ao nuôi.

+ Khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thả canh và bán thảm canh nên nuôi tôm rải vụ với mật độ thưa để hạn chế dịch bệnh và tôm đạt kích cỡ lớn khi thu hoạch và xử lý nước trước khi thải ra môi trường nhằm hạn chế dịch bệnh cho vụ sau.

e) Phát triển nông thôn

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM):

+ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 233 lớp về công tác xây dựng nông thôn mới cho 8.170 lượt người dự; công nhận 13 áp đạt chuẩn áp văn hoá, nông thôn mới. Nâng đến nay lồng ghép, tuyên truyền 803 cuộc cho 21.783 người dự, cấp phát 3.600 tờ bướm; 1.300 quyển thông tin tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; 900 sổ tay Bộ tiêu chí nông thôn mới cho các Sở, ngành tỉnh và các địa phương; công nhận 197.720 hộ (đạt 87,1% số phát động) và 434 áp (chiếm 67,7%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí NTM: có 57 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 67,05% (*54 xã có quyết định công nhận, 03 xã đạt 19 tiêu chí đã trình Hội đồng thẩm định*); 05 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, chiếm 5,88%; 23 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm 27,06%; không còn xã dưới 10 tiêu chí. Hiện có 02 xã đạt 20/20 tiêu chí NTM nâng cao (xã Long Đức đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã nông thôn mới nâng cao và còn lại xã Tân Hùng (huyện Tiểu Cần) đang chờ quyết định công nhận). Có 03 huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Càng Long đạt 6/9 tiêu chí dự kiến đến tháng 8 thực hiện hoàn thành.

+ Năm 2020 được phân bổ 399,17 tỷ đồng (vốn trung ương 293,17 tỷ đồng, vốn địa phương 106 tỷ đồng), đang chuẩn bị thủ tục để triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Xây dựng dự án Nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp năm 2020 đang trình Sở Tài chính thẩm định vốn.

- Ngành nghề, làng nghề:

+ Làng nghề: Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2020; phối hợp với các Sở, ban, ngành thống nhất phương án bố trí kinh phí thực hiện Chương trình “Không còn nạn đói” năm 2020.

+ Ngành nghề nông thôn: Xây dựng Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn năm 2020, dự kiến hỗ trợ: Hệ thống luộc sấy đậu phộng; máy hút chân không; máy tách hạt; máy đóng gói dạng cốc,...

- Chương trình OCOP: Đang rà soát, điều chỉnh bổ sung danh mục sản phẩm OCOP làm cơ sở trình UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 1905/QĐ-UBND, ngày 27/9/2018 phê duyệt Đề án “Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030”; xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP năm 2020.

- Kinh tế hợp tác: Hoàn chỉnh tài liệu tập huấn kinh tế hợp tác, HTX; tổng hợp nhu cầu tập huấn thành lập, củng cố HTX trên địa bàn 13 xã đăng ký đạt xã nông thôn mới năm 2020; phối hợp địa phương hướng dẫn triển khai thực hiện Công văn số 1864/BNN-KTHT ngày 13/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tập trung chỉ đạo thành lập mới và hỗ trợ HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Mở rộng 34.000 m ống cấp nước, lắp đặt 04 đồng hồ nước cho 04 hộ dân bị ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn ở xã Hoà Minh, huyện Châu Thành (đợt 1); xây dựng kế hoạch cấp phát bồn chứa nước và phân bổ 200 bộ lọc nước uống cho các xã ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn năm 2020; xây dựng Dự án xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2020; tiếp tục khai thác và quản lý tốt 116 trạm cấp nước hiện có. Trong tháng, lắp đặt cho 1.386 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 127.189 hộ sử dụng nước máy.

4. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Thực hiện 55 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 43.735 m, khối lượng 127.362 m³. Nâng tổng số đến nay tổ chức thực hiện 154 công trình thủy lợi nội đồng (đạt 37,3% kế hoạch), chiều dài 111.288 m, khối lượng 322.910 m³. Các huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành và Trà Cú thực hiện trực vớt lục bình ở 238 tuyến kênh (cấp I, II, III) tại 42 xã để khai thông dòng chảy, diện tích hơn 01 triệu m². Kết thúc đợt bơm tát nước chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ sản xuất lúa Đông Xuân của 04 huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành và Trà Cú với diện tích 5.723,8 ha, đạt 81,9% kế hoạch. Phối hợp Công ty TNHH MTV Quản lý KT CTTL thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các công đầu mối và trong nội đồng, vận hành chủ yếu rửa mặn, xổ phèn chuẩn bị xuống giống lúa vụ Hè Thu theo khung lịch thời vụ.

Trình phê duyệt điều chỉnh dự toán các công trình: Khắc phục sụp lún kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa (đoạn 750 m); duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long; trình phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp đê bao Xa Xi áp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú; ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình gia cố khắc phục sạt lở khẩn cấp kè tạm đầu phía Bắc công trình kè bảo vệ (đoạn 200 m) xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; đóng cùi gia cố công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp bờ kè thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang (tiến độ đạt khoảng 80%). Bàn giao mặt bằng thi công công trình khắc phục khẩn cấp tình trạng sụp lún, hư hỏng đoạn đê đường đan áp Vịnh, áp Long Thuận, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú. Thẩm định, phê duyệt dự toán công trình khắc phục sạt lở khẩn

cấp cống qua đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên, áp Bùng Bình, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

Tổ chức 19 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm. Nâng đến nay đã tổ chức 68 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 12 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết và thiên tai trên địa bàn tỉnh, đề xuất tham mưu xử lý kịp thời khi có tình huống; theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh về công tác phòng chống thiên tai.

b) Công tác xây dựng cơ bản

Theo dõi tiến độ triển khai thực hiện 15 dự án (11 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới), gồm: 02 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 05 công trình đê, kè; 08 công trình dân dụng, giải ngân 115,97/667 tỷ đồng đạt 17,3% kế hoạch (bổ sung vốn).

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Tổ chức 03 cuộc thanh tra chuyên ngành ATTP tại 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh, kết quả 10 cơ sở thực hiện tốt các quy định về ATTP, 04 cơ sở chưa thực hiện đầy đủ các quy định ATTP, chủ yếu về thủ tục hành chính; thẩm định điều kiện ATTP 20 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản, kết quả 13 cơ sở xếp loại A, 07 cơ sở xếp loại B; cấp 08 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 03 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 36 mẫu (14 mẫu thủy sản, 22 mẫu nông sản). Nâng tổng số đến nay tổ chức 08 cuộc thanh tra chuyên ngành ATTP tại 44 cơ sở sản xuất, kinh doanh, kết quả 40 cơ sở thực hiện tốt các quy định về ATTP, 04 cơ sở chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về ATTP, chủ yếu về thủ tục hành chính Đoàn thanh tra cho thời gian cơ sở khắc phục 30 ngày kể từ ngày kiểm tra; thẩm định điều kiện ATTP 44 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản, kết quả xếp loại 24 cơ sở A, 20 cơ sở B; cấp 21 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 16 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 87 mẫu (37 mẫu thủy sản, 50 mẫu nông sản), kết quả phát hiện 01 mẫu cá lóc thương phẩm tồn dư kháng sinh cấm. Xây dựng Kế hoạch hành động bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2020. Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục liên kết chuỗi đối với cơ sở sản xuất mật hoa dừa trên địa bàn huyện Tiểu Cần và cơ sở gạo Long Hiệp trên địa bàn huyện Trà Cú.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.498 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.894 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 119,6 triệu đồng; cấp 53 giấy phép khai thác thủy sản; chứng nhận 214,5 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; 04 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Nâng đến nay, tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 3.692 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.593 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền

407,49 triệu đồng; cấp 84 giấy phép khai thác thủy sản; chứng nhận 522,85 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; 94 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, chiếm 35,4%.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP nông sản, thủy sản đối với 28 cơ sở kinh doanh thức ăn, phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản; thu 37 mẫu (phân bón, thức ăn, thuốc thú y,...); phát hiện, xử lý 09 trường hợp vi phạm theo quy định. Nâng đến nay thanh tra, kiểm tra 192 cơ sở, phương tiện về ATTP; thu 144 mẫu phân bón, mẫu kiểm tra an toàn thực phẩm, thức ăn và hóa chất nuôi thủy sản để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tịch thu 2kg thức ăn chăn nuôi giả (TABS); phát hiện, xử lý 25 trường hợp theo quy định.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

- Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức 22 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trong điều kiện hạn, mặn và phòng chống dịch bệnh tại các huyện, thị xã, thành phố có 660 người tham dự; tư vấn trực tiếp 500 lượt hộ về kỹ thuật canh tác lúa, trồng cam, dừa, rau màu các loại, cải tạo ao, xử lý nước các biện pháp phòng, trị bệnh trong nuôi tôm sú, tôm thẻ, tôm càng xanh và phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; 02 toạ đàm, 03 chuyên mục; cấp phát 500 quyển tờ tin nông nghiệp và 3.000 tờ bướm về kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn; kỹ thuật trồng rau ăn lá, làm đệm lót sinh học trong nuôi heo, nuôi tôm sú thảm canh, nuôi tôm càng xanh, nuôi cá lóc. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 105 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trong điều kiện hạn, mặn và phòng chống dịch bệnh tại các huyện, thị xã, thành phố có 3.133 lượt người dự; tư vấn 1.759 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 02 phóng sự, 04 cuộc tọa đàm, 02 bản tin thời sự và 04 chuyên mục về phòng, chống hạn hán xâm nhập mặn; cấp phát 500 cuốn tờ tin nông nghiệp và 18.000 tờ bướm về kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn; kỹ thuật trồng rau ăn lá, làm đệm lót sinh học trong nuôi, nuôi tôm sú thảm canh, nuôi tôm càng xanh, nuôi cá lóc.

+ Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, bò đã phối giống 100%, sinh được 59 con bê, đàn bê đang tăng trưởng và phát triển tốt; Dự án “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh”: Đến nay đã trồng 25.200 cây, diện tích 20 ha (đạt 100% kế hoạch) ở 02 huyện: Châu Thành và Cầu Kè, cam được 1,5 - 8,5 tháng, phát triển tốt. Kết hợp Viện Cây ăn quả Miền Nam hướng dẫn qui trình nhân giống cam sành sạch bệnh và gieo hạt làm gốc ghép đã được 6 tháng.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Phối hợp thực hiện đề tài “Nhân giống cam sành không hạt S₁” trong nhà lưới, cây phát triển tốt; chăm sóc 30 cây S₁ và 06 cây S₀ quýt đường không hạt, hiện cây phát triển bình thường; tiếp tục chăm sóc cây

xoài, gấc, chanh, bơ sáp và cây gốc ghép bưởi; cung cấp 09 tấn lúa giống, 186 cây giống các loại; liên kết với các hợp tác xã nông nghiệp Huyền Hội và Phát Tài thực hiện dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật sản xuất lúa giống.

+ Giống thủy sản: Triển khai đề tài “*Hoàn thiện qui trình sản xuất giống cua biển tại Trà Vinh*” đã cho sinh sản được 04 con cua mẹ. Xuất bán 0,74 triệu con giống tôm càng xanh toàn đặc, 2,35 triệu con giống tôm sú. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay sản xuất 6,8 triệu ấu trùng tôm càng xanh, xuất bán 3,13 triệu con giống tôm càng xanh toàn đặc, 3,35 triệu con giống tôm sú.

5. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác chỉ đạo sản xuất ở một số địa phương chưa sâu sát còn xảy ra tình trạng xuống giống vụ lúa Hè Thu không tuân thủ theo lịch thời vụ 1.740 ha (Cầu Kè 528 ha, Càng Long là 1.212 ha); chưa nắm lại nhu cầu con giống (heo, gia cầm) trong dân phục vụ tái đàn nhanh; chưa nắm rõ tình hình chăn nuôi để đề xuất cơ quan chuyên môn hỗ trợ; chậm triển khai thực hiện các công tác chuyên môn.

Công tác thủy lợi nội đồng và cơ chế chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; công tác phối hợp trong việc giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện một số hạng mục công trình thủy lợi còn chậm.

Một số địa phương dân chưa chủ động trong việc cập nhật thông tin về thời tiết, môi trường, thị trường và chưa áp dụng đúng các biện pháp kỹ thuật của ngành khuyến cáo nên tiếp tục bị ảnh hưởng do hạn, mặn và bệnh trên cây trồng, vật nuôi thủy sản.

Do thực hiện cách ly xã hội ảnh hưởng của dịch Covid – 19 nên một số nhiệm vụ chuyên môn của ngành thực hiện bị chậm tiến độ; giá một số mặt hàng nông sản bị giảm sâu (cá lóc, một số loại trái cây, rau, củ, quả) ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 5 NĂM 2020

1. Công tác tham mưu chỉ đạo điều hành

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội đồng đồng nhân dân tỉnh ban hành 03 Nghị quyết⁽⁷⁾.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 01 Kế hoạch⁽⁸⁾, 05 Quyết định⁽⁹⁾; đồng thời trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 07 tiêu chí giám sát, đánh giá tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

⁽⁷⁾ Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

⁽⁸⁾ Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2020.

⁽⁹⁾ Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy chế hoạt động quản lý thu, nộp, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; phê duyệt kết quả thực hiện 6 tiêu chí tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp; ban hành Bộ Tiêu chí tạm thời xác định sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; phê duyệt báo cáo kết quả cập nhật Bộ chỉ số teo dõi – Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2019.

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây lúa: Phối hợp với địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ lịch thời vụ xuống giống vụ Hè Thu 2020, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về kỹ thuật (tiêu mặn, xô phèn, làm đất, vệ sinh đồng ruộng, giống tốt chất lượng,...) để xuống giống khi có đủ nguồn nước ngọt; khuyến cáo người dân chuyển đổi sản xuất lúa, sang trồng cây hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; đối với diện tích lúa Hè Thu đã xuống giống khuyến cáo người dân thường xuyên thăm đồng, kiểm tra nguồn nước trước khi bơm tát vào ruộng lúa để hạn chế thiệt hại do mặn; tiếp tục thực hiện công tác dự tính, dự báo kịp thời phát hiện sâu bệnh để khuyến cáo người dân phòng trị.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Cây lâu năm: Xây dựng hướng dẫn người dân cải tạo giống tạp, vườn tạp; biện pháp kỹ thuật chăm sóc vườn cây ăn trái sau hạn, mặn. Đẩy mạnh việc cải tạo vườn tạp kém hiệu quả và trồng mới diện tích cây ăn trái với các giống mới có chất lượng, có thị trường tiêu thụ; hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc diện tích màu đã xuống giống; triển khai xuống giống cây màu vụ mùa, khuyến khích nông dân đưa cây màu xuống chân ruộng, chọn giống có chất lượng và áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đạt chuẩn VietGAP, an toàn, hữu cơ... để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

b) Chăn nuôi và thú y: Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; Kế hoạch số 1059/KH-SNN-CNTY ngày 22/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Tái cơ cấu đàn vật nuôi trong điều kiện bệnh Dịch tả heo Châu Phi chưa ổn định trên địa bàn tỉnh Trà Vinh từ nay đến năm 2020 và Kế hoạch số 341/KH-SNN-CNTY ngày 29/4/2020 của Sở nông nghiệp và PTNT về Tái đàn heo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020; phối hợp với địa phương khuyến cáo và hỗ trợ người dân đủ điều kiện nhanh chóng tái đàn vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường; tăng cường giám sát dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi, đặc biệt là bệnh: Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chó, mèo và DTHCP; vận động các hộ chăn nuôi chủ động tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho đàn vật nuôi để bảo hộ cho đàn vật nuôi, đặc biệt là trong thời điểm giao mùa, thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tại các chốt kiểm dịch và cơ sở giết mổ tập trung. Phân công cán bộ trực tiếp bám sát địa bàn, hỗ trợ kỹ thuật và theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh tại các xã nuôi tôm trọng điểm của tỉnh; tiếp tục thu mẫu phân tích các bệnh nguy hiểm tại các vùng nuôi thủy sản trọng điểm để cảnh báo, hướng dẫn người nuôi xử lý.

c) Thủy sản: Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển nuôi thủy sản lồng, bè trên sông, trên biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020-2025; tăng cường kiểm tra, quản lý tình hình con giống nhập tỉnh và các cơ sở sản xuất, ương

dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cung cấp con giống chất lượng; hỗ trợ duy trì và mở rộng diện tích nuôi thủy sản cả 03 vùng mặn - ngọt - lợ, nhất là mô hình nuôi tôm công nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh khai thác đánh bắt thủy sản xa bờ; tiếp tục quan trắc môi trường nước và thu mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phân tích phục vụ nuôi thủy sản; khuyến cáo, hướng dẫn người nuôi chăm sóc tốt đàn tôm, cá thả nuôi và thường xuyên theo dõi các bản tin thông báo kết quả kiểm tra giáp xác để chủ động quản lý ao nuôi; phân công cán bộ bám sát địa bàn để tư vấn, hướng dẫn người nuôi đạt hiệu quả, đồng thời hướng dẫn người nuôi cải tạo ao, hồ đúng quy trình, kỹ thuật; vận động nông dân thả nuôi rải vụ với mật độ thưa để hạn chế dịch bệnh và tôm đạt kích cở lớn khi thu hoạch; phối hợp địa phương khảo sát các khu vực dự kiến phát triển nuôi thủy sản lồng, bè để xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuyên truyền, khuyến cáo chủ các tàu cá khai thác xa bờ lắp đặt thiết bị hành trình để được truy suất nguồn gốc, đủ điều kiện khi xuất khẩu; tiếp tục phối hợp Bộ Đội Biên phòng tuần tra, kiểm soát tàu cá không có giấy phép khai thác thủy sản, không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để có hướng dẫn cụ thể.

d) Lâm nghiệp: Tiếp tục trực phòng cháy chữa cháy rừng; thực hiện giao khoán, bảo vệ rừng và trồng rừng theo kế hoạch; tổ chức tuyên truyền về PCCCR, Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan; tăng cường công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh mua bán lâm sản chấp hành các quy định của pháp luật; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án giao rừng, cho thuê rừng, gắn liền với giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

e) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu UBND tỉnh tổ chức lễ công bố Quyết định Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); Gửi phiếu cho Hội đồng thẩm định NTM xét, công nhận xã Thanh Mỹ, Long Hòa và Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành đạt chuẩn NTM; xã Tân Hùng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn NTM nâng cao 2019; tiếp và làm việc với đoàn kiểm toán Trung ương về việc kiểm toán vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019; phối hợp với địa phương tổ chức lễ công nhận 4 xã: Long Khánh, huyện Duyên Hải; Định An và Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú; Kim Hòa, huyện Cầu Ngang đạt chuẩn NTM năm 2019; phối hợp Sở, ngành, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa các huyện rà soát, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí.

Ngành nghề nông thôn: Trình phê duyệt và triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn năm 2020; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương chấp thuận thực hiện “nâng cấp chuỗi giá trị bò trên địa bàn tỉnh”.

Chương trình OCOP: Trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục tên sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực theo yêu cầu của địa phương; gửi Sở Tài

chính xem xét thẩm định, phê duyệt dự toán dự án Chương trình OCOP và kế hoạch lựa chọn nhà thầu triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2020.

Kinh tế hợp tác: Triển khai 10 lớp thành lập mới và củng cố Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp; xây dựng báo cáo định hướng Chiến lược phát triển kinh tế hợp tác, HTX giai đoạn 2021 – 2030; hoàn chỉnh kế hoạch năm 2020 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục phối hợp với đơn vị trung thầu kéo tuyến ống cấp nước cho các hộ dân huyện Càng Long và Châu Thành theo kế hoạch (đợt 2); tuyên truyền, vận động các hộ dân sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hài hoà, không để người dân thiếu nước sinh hoạt. Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 800 hộ. Tiếp tục thực hiện các bước cỗ phần hoá Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Công tác chuyên môn

Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên mục khuyến nông (theo qui) để phối hợp với Viện, Trường liên quan và Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh triển khai thực hiện trong thời gian tới; tiếp tục tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo kế hoạch; tập trung tư vấn trực tiếp cho người dân kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản giúp người nuôi hạn chế dịch bệnh; tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông năm 2019 chuyển tiếp; tiến hành triển khai kế hoạch các mô hình, dự án thuộc chương trình vốn sự nghiệp năm 2020 theo tiến độ.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020; thành lập và triển khai thực hiện công tác của Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về việc chấp hành các quy định của pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đôn đốc các địa phương抓紧 triển khai thi công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2020 theo kế hoạch; báo cáo số liệu và kết quả tính toán Tiêu chí tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước theo Quyết định số 678/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kết quả khảo sát lở đê bao trên địa bàn 02 xã Đức Mỹ và Đại Phước huyện Càng Long, đề xuất giải pháp xử lý; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh Nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020; tổng hợp cập nhật bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công các công trình: Khắc phục sụp lún kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải (đoạn 750m); Duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long (Từ đòn Biên phòng đến đường nhựa ấp Nhứt, xã Mỹ Long Nam); Nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng Công trình gia cố khắc phục sạt lở khẩn cấp kè tạm đầu phía Bắc công trình kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải (Đoạn 200m tiếp theo) và Công trình Khắc phục sạt lở khẩn cấp bờ kè thị trấn Cầu

Ngang, huyện Cầu Ngang; triển khai thi công Công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp công qua đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên áp Bùng Bình, xã Long Hòa, huyện Châu Thành; Phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát sạt lở đê bao trên địa bàn 02 xã Đức Mỹ và Đại Phước huyện Càng Long để có giải pháp xử lý; Cập nhật, tổng hợp số liệu thiệt hại, báo cáo, trình chính sách hỗ trợ thiệt hại do thiên tai... và các công tác khác về PCTT.

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2020; thực hiện thanh, kiểm tra chuyên ngành ATTP, đồng thời thu mẫu sản phẩm để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thẩm định điều kiện ATTP và xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đăng ký; thực hiện Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh; thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản và thông báo kết quả giám sát ATTP; hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí ATTP đối với các xã đăng ký nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2020. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tổ chức 01 cuộc thanh tra về quản lý, sử dụng tài chính - ngân sách nhà nước đối với Chi cục Phát triển nông thôn; thực hiện 04 cuộc thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và lĩnh vực an toàn thực phẩm.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2020.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động công tác tháng 4 và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2020 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh năm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THUỶ SẢN



THÁNG 4/2020

(Tính đến ngày 15/4/2020)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2020	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	99.149	278.480	5.897	88.953	89,72%	31,94%
	Cây lương thực có hạt	Ha	75.947	227.930	2.063	66.531	87,60%	29,19%
1	- Cây lúa	Ha	73.909	223.430	1.740	64.460	87,21%	28,85%
	- Thu hoạch	Ha	52.369	69.930	27.947	41.174	78,62%	58,88%
	- Sản lượng	tấn	325.104	1.255.370	137.002	213.017	65,52%	16,97%
	Trong đó							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.235	1.930		2.262,98	101,23%	117,25%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.235	1.930		2.214	99,05%	114,72%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	44,52	45,00		39,39	88,49%	87,54%
	- Sản lượng	tấn	9.952	8.685		8.722	87,65%	100,43%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.584	68.000		60.456,98	90,80%	88,91%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	50.134	68.000	27.947	38.960	77,71%	57,29%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	62,86	66,30	49,02	52,44	83,42%	79,09%
	- Sản lượng	tấn	315.152	450.840	137.002	204.295	64,82%	45,31%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	5.090	75.000	1.740	1.740	34,18%	2,32%
	- Năng suất	Tạ/ha		52,00				
	- Sản lượng	tấn		390.000				
	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha		78.500				
	- Năng suất	Tạ/ha		51,70				
	- Sản lượng	tấn		405.845				
	Cây màu							
2	DT gieo trồng	Ha	25.239	55.050	4.157	24.494	97,05%	44,49%
	DT thu hoạch	Ha	12.567	55.050	2.087	12.377	98,49%	22,48%
	Sản lượng	tấn	311.764	1.404.491	62.628	296.695	95,17%	21,12%
2.1	Màu lương thực		3.207	7.500	508	3.104	96,78%	41,38%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.038	4.500	323	2.071	101,62%	46,01%
	- Diện tích thu hoạch	"	874	4.500	142	894,00	102,29%	19,87%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,9	55,00	57,8	52,50	95,63%	95,45%
	- Sản lượng	tấn	4.798	24.750	823	4.694	97,82%	18,96%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	604	1.400	95	590,60	97,85%	42,19%
	+ Diện tích thu hoạch	"	156	1.400	21	144,00	92,31%	10,29%
	+ Năng suất	Tạ/ha	159,8	160,29	161,4	161,32	100,95%	100,65%
	+ Sản lượng	tấn	2.493	22.440	334	2.323	93,19%	10,35%
	Sắn							

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2020	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	342	950	90	282,30	82,43%	29,72%
	+ Diện tích thu hoạch	"	77	950	34,3	68,00	88,31%	7,16%
	+ Năng suất	Tạ/ha	156,0	180,00	155,2	155,2	99,49%	86,22%
	+ Sản lượng	Tấn	1.201	17.100	532,4	1.055	87,86%	6,17%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	223	650	-	160,10	71,64%	24,63%
	+ Diện tích thu hoạch	"	35	650	2,4	42,0	120,00%	6,46%
2.2	Cây thực phẩm	Ha	13.750	33.550	2.251	13.538	98,46%	40,35%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	13.413	33.000	2.118	13.250,1	98,79%	40,15%
	+ Diện tích thu hoạch	"	8.712	33.000	1.200	8.614,0	98,88%	26,10%
	+ Năng suất	Tạ/ha	227,4	230,00	226,3	226,30	99,52%	98,39%
	+ Sản lượng	Tấn	198.111	759.000	27.153	194.935	98,40%	25,68%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	338	550	133	288,3	85,42%	52,42%
	+ Diện tích thu hoạch	"	83	550	19	56	67,71%	10,22%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,5	18,20	17,6	17,600	95,14%	96,70%
	+ Sản lượng	Tấn	154	1.001	34	98,91	64,42%	9,88%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm		8.282	14.000	1.398	7.852	94,80%	56,08%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.501	4.500	10	3.419,1	97,67%	75,98%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.163	4.500	109	1.197,0	102,92%	26,60%
	+ Năng suất	Tạ/ha	54,10	54,00	54,15	54,17	100,13%	100,31%
	+ Sản lượng	Tấn	6.292	24.300	589	6.484,1	103,06%	26,68%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.498	2.000	241	798,5	53,31%	39,93%
	+ Diện tích thu hoạch	"	377,0	2.000,0	8,0	268,0	71,09%	13,40%
	+ Năng suất	Tạ/ha	986,0	950,0	952,5	952,5	96,60%	100,26%
	+ Sản lượng	Tấn	37.172,2	190.000,0	762,0	25.527,0	68,67%	13,44%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.199	2.700	442	1.236,6	103,16%	45,80%
	+ Diện tích thu hoạch	"	277	2.700	134	284,0	102,53%	10,52%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,6	115,00	108,7	109	100,12%	94,55%
	+ Sản lượng	Tấn	3.008	31.050	1.457	3.088	102,65%	9,95%
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.085	4.800	705	2.397,3	114,99%	49,94%
	+ Diện tích thu hoạch	"	813	4.800	417	810,0	99,63%	16,88%
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		200				
	- DT rừng được chăm sóc	Ha		257				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		5.720				
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	25.949	54.000	2.599	29.969	115,49%	55,50%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	617,82	4.300	142	437	70,70%	10,16%
	- Diện tích nuôi cá	"	382	2.600	45	234	61,32%	9,02%
	Trong đó: + Cá tra	"	14,72	60	-	1,12	7,61%	1,87%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2020	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Cá lóc	X.H C.N " SÓ	90,19	300	10,01	54,16	60,05%	18,05%
	- Diện tích nuôi giáp xác	SÓ	236	1.700	97	202	85,94%	11,91%
	Trong đó: tôm càng xanh	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN	236	1.700	97	202	85,94%	11,91%
	- Diện tích nuôi khác	VÀ PHÁT TRIỂN						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	NÔNG THÔN TỈNH TRÀI VĨNH	25.331	49.700	2.457	29.533	116,59%	59,42%
	- Diện tích nuôi giáp xác	VĨNH	25.331	48.000	2.299	29.330	115,78%	61,10%
	Trong đó: + Tôm sú	"	13.051	21.000	1.346	13.906	106,55%	66,22%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.051	8.500	902	2.948	96,63%	34,68%
	+ Cua biển	"	9.230	18.500	51	12.476	135%	67,44%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	-	1.700	158	203	#DIV/0!	11,94%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	53.694	232.700	15.622	52.409	97,61%	22,52%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	29.745	147.000	10.098	30.027,6	100,95%	20,43%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	18.912	77.000	4.665	17.849	94,38%	23,18%
	- Sản lượng cá	"	18.183	75.000	4.518	17.035,71	93,69%	22,71%
	Trong đó: + Cá tra	"	4.010	15.000	110	1.065	26,56%	7,10%
	+ Cá lóc		10.984	40.000	3.546	13.024	118,57%	32,56%
	- Sản lượng giáp xác	"	729	2.000	146	813	111,50%	40,65%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	729	2.000	146	813	111,50%	40,65%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	10.833	70.000	5.433	12.179	112,43%	17,40%
	- Sản lượng tôm nuôi	"	10.738	67.800	5.289	11.990	111,66%	17,68%
	Trong đó: + Tôm sú	"	1.835	12.000	904	2.041	111,22%	17,01%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	7.726	49.000	3.967	8.706	112,68%	17,77%
	+ Nuôi cua biển	"	1.177	6.800	418	1.243	105,66%	18,28%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	95	2.200	144	189	198,84%	8,59%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	23.949	85.700	5.524	22.382	93,46%	26,12%
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	21.168	76.000	5.064	20.348	96,13%	26,77%
	- Sản lượng cá khai thác	"	10.383	37.000	2.249	11.414	109,93%	30,85%
	- Sản lượng giáp xác khai thác	"	2.511	8.000	763	1.953	77,76%	24,41%
	- SL hải sản khác khai thác	"	8.273	31.000	2.053	6.981	84,38%	22,52%
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.781	9.700	460	2.034	73,13%	20,97%
	- Cá các loại	"	1.449	5.500	241	881	60,84%	16,03%
	- Tôm các loại	"	855	1.800	77	482	56,42%	26,79%
	- Thủy sản khác	"	477	2.400	142	670	140,36%	27,92%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	13.791		1.959	12.353	89,57%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	923		321	978	105,96%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	13.051		1.346	13.906	106,55%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	327		100	338	103,47%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.034		170	926	89,48%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	78		21	79	101,55%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	8		12	9	113,49%	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	8.423		2.347	8.252	97,97%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.457		395	1.580	108,44%	

STT	Chi tiêu	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2020	TH tháng 4	Ước TH 4 tháng	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích thả nuôi	VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Ha	3.051		902	2.948	96,63%	
	- Diện tích bị thiệt hại	NÔNG THÔN	Ha	457		107	465	101,70%	
	- Số con giống thả nuôi	TRÀ	Triệu con	1.706		568	1.742	102,11%	
	- Số con giống bị thiệt hại		Triệu con	275		241	500	182,20%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%		16		42	29	178,44%	